

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày 15-4-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sa Văn Linh

Bà Hoàng Thị Ngân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Mùa A Hay, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Văn T**; Sinh ngày 18/9/1963 tại **huyện B, tỉnh Sơn La**; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 65-QĐ/UBNDTHU ngày 14/12/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B), Bí thư Chi bộ kiêm trưởng bản **bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Con ông: **Hà Văn T1** và bà **Lò Thị P** (đều đã chết); Bị cáo có vợ **Lò Thị N**, sinh năm 1953, và có 04 con, con lớn nhất sinh năm 1982 (đã chết), con nhỏ nhất 32 tuổi, hiện nay đều cư trú tại: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Hoàng Hồng S**; Sinh ngày 18/9/1962 tại **huyện B, tỉnh Sơn La**; Nơi ĐKKTT và chỗ ở hiện nay: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 66-QĐ/UBNDTHU ngày 14/12/2023 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B), Đại biểu HĐND **xã P**, khóa XX,

nhiệm kỳ 2021 – 2026, phó Bí thư Chi bộ, kiêm trưởng MTTQVN bản A, xã P, huyện B; Con ông: Hoàng Văn P1 và bà Lò Thị A (đều đã chết); Bị cáo có vợ Lò Thị P2, sinh năm 1964, và có 03 con, con lớn nhất 40 tuổi, con nhỏ nhất 34 tuổi, hiện nay đều cư trú tại: Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Không; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Vì Văn H**; Sinh ngày 09/6/1986 tại huyện B, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ, đảng phái, đoàn thể: Là Đảng viên (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo Quyết định số 73-QĐ/UBKTHU ngày 19/01/2024 của Ủy ban kiểm tra huyện ủy B); Con ông: **Vì Văn T2**, sinh năm 1961 và bà **Hà Thị T3**, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ **Hoàng Thị D**, sinh năm 1984, và có 03 con, con lớn nhất 19 tuổi, con nhỏ nhất 04 tuổi, hiện nay đều cư trú tại: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/01/2024 đến ngày 23/01/2024 tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Hoàng Văn M, sinh năm 1972; Địa chỉ: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Có mặt;

Vì Văn T4; sinh năm 1957; Địa chỉ: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Vắng mặt;

Vì Văn H1; sinh năm 1972; Địa chỉ: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Vắng mặt;

Đình Văn T5; sinh năm 1992; Địa chỉ: **Bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKS-BY ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, truy tố các bị cáo **Hà Văn T**, **Hoàng Hồng S**, **Vì Văn Hiệp** phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Năm 2022, bản A, xã P được **Hội đồng nhân dân huyện B** phê duyệt đầu tư làm tuyến đường từ **khu T đến N** (Tên địa phương), theo đó Nhà nước hỗ trợ 332.000.000 đồng mua nguyên vật liệu (Cát, sỏi, xi măng) còn nhân dân trong bản đóng góp ngày công làm đường, ban quản lý bản chịu trách nhiệm vận động nhân dân tham gia đóng góp ngày công và các vật liệu phụ trợ, thời gian hoàn thành tuyến đường phải xong trước tháng 11/2022. Ngày 29/9/2022 tại nhà Văn hóa bản A, Ban quản lý bản tiến hành họp dân, tổng số hộ là 176, có mặt 123 hộ, vắng mặt 53 hộ. Chủ trì là ông **Hà Văn T**, Bí thư chi bộ, trưởng bản; **Hoàng**

Hồng S là phó bí thư Chi bộ, kiêm trưởng ban công tác Mặt trận làm thư ký cuộc họp, trong cuộc họp có thông qua dự án xây dựng tuyến **đường T - N**, nhân dân trong bản đã biểu quyết nhất trí cho Ban quản lý bản bán cây Móc Trai để lấy tiền thuê người làm thay cho nhân dân, Ban quản lý bản có trách nhiệm tìm chọn những cây bị sâu bệnh rụng lá, cây thuộc đất nương, đất ruộng, đất vườn để bán. Sau cuộc họp kết thúc đại diện các hộ gia đình có mặt cùng ký vào biên bản cuộc họp. Sau đó **S, T** có báo cáo lại nội dung này với lãnh đạo **UBND xã P** và nói là chọn ông **Hoàng Văn M**, trú tại bản A thực hiện dự án làm đường. Sau đó, đoàn công tác của xã cùng Ban quản lý bản A đến gặp ông **Hoàng Văn M** thống nhất ký hợp đồng thuê **Hoàng Văn M** thi công tuyến đường trên với nội dung: **Hoàng Văn M** sẽ thực hiện toàn bộ các hoạt động để san nền, trộn và đổ bê tông tuyến đường trên đảm bảo theo thiết kế, thực hiện xong thì Ban quản lý bản sẽ trả tiền công là 80.000.000 đồng. **M** nhất trí và ký hợp đồng với **Ủy ban nhân dân xã P** nội dung trên. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng xong, ông **M** tính toán lại thì với số tiền 80.000.000 đồng chỉ đủ tiền thuê nhân công, còn tiền mua vật liệu, chi phí vận chuyển, chi phí máy, chi phí nhân công chưa có thì không thể làm được tuyến đường trên. Ông **M** trao đổi với Ban quản lý bản A nội dung này và ông **M** nói thấp nhất bản phải trả số tiền 214.940.000 đồng thì mới làm được. Ban quản lý bản đồng ý theo yêu cầu của **M**, nội dung này, **S, T** đã không báo cáo lại cho ông **Lò Văn T7** - Chủ tịch **xã P**, vì khi ký hợp đồng với xã, ông **Lò Văn T7** đã giao cho bản phải có trách nhiệm vận động nhân dân góp tiền trả cho **M**. Sau đó, **S** và **T** đi chọn, tìm cây **Móc T6** để bán lấy tiền thanh toán tiền công cho **M**. Do trong quá trình sinh sống biết rằng các cây Móc Trai gần bản, gần ruộng, đất nương ảnh hưởng đến nơi sản xuất không còn các cây có giá trị cao, nên **S** và **T** tự ý thống nhất đi đến khu rừng phòng hộ (là khu vực **Săn N** theo tiếng địa phương) để tìm, chọn cây Móc Trai bán lấy tiền trả cho **M**. **S, T** chọn được 03 cây, cụ thể là: cây thứ nhất, giá 12.000.000 đồng, cây thứ 2 giá 9.000.000 đồng, cây thứ ba giá 8.000.000 đồng. Sau đó **S** và **T** tiếp tục tìm và chọn, xác định giá bán thêm 03 cây Móc Trai ở nơi khác thuộc khu đất nương, trong đó: 01 cây có giá trị 8.000.000 đồng, 02 cây còn lại, mỗi cây có giá là 10.000.000 đồng. Khi chọn cây, ký hiệu giá lên các cây xong, **S** và **T** về nhà, Sau đó thông báo lên loa công cộng của bản với nội dung là tập thể cần bán một số cây Móc Trai lấy tiền trả công làm đường, ai có nhu cầu mua thì đến đăng ký với Ban quản lý bản. Sau đó Vì **Văn H** đến nhà Văn hóa bản gặp hỏi mua cây Móc Trai, tại đây **S** và **T** nói cho **H** biết vị trí, giá 06 cây Mác Trai muốn bán, tổng giá 57.000.000 đồng nhưng do **H** chưa biết hết vị trí các cây, chưa đủ tiền nên chưa mua rồi **H** đi về. Đến ngày 24/10/2022 Chi bộ bản A tiến hành họp định kỳ tại nhà văn hóa, trong cuộc họp **T, S** có thông qua lại nội dung họp xã viên về việc bán móc Trai để lấy tiền thuê người làm đường để chi bộ thảo luận thì toàn thể Đảng viên trong chi bộ đồng ý, nhất trí, biểu quyết đồng ý theo nội dung kết luận cuộc họp xã viên. Đến ngày 25/10/2022, do quá trình làm đường thiếu tiền, **M** cũng thường xuyên hỏi tiền công trả cho thợ, **T** đến nhà **H** hỏi là có lấy cây Móc Trai không, thì **H** bảo hiện tại chưa có đủ tiền, **T** nói nếu mua thì trả cho 30.000.000 đồng trước để trả tiền công làm đường, còn lại cho nợ và sẽ dẫn

lên xem cây thì H đồng ý, T bảo S dẫn H lên xem cây Móc Trai để bán. Chiều cùng ngày, S dẫn H lên xem 03 cây Móc Trai tại khu rừng phòng hộ, còn 03 cây khu đất nương thì H đã biết trước đó nên không cần đi xem nữa. Khi xem xong, H biết 03 cây vừa xem là thuộc đất rừng phòng hộ nhưng H vẫn đồng ý mua, H xin giảm hai triệu cây thứ nhất tại khu rừng phòng hộ, từ giá 12.000.000 đồng xuống 10.000.000 đồng, tức tổng số 06 cây từ 57.000.000 đồng xuống 55.000.000 đồng. Lúc này, S gọi điện hỏi ý kiến T thì T đồng ý giảm giá theo đề nghị của H. Sau đó S và T đồng ý bán cho H 06 cây Móc Trai, tổng giá là 55.000.000 đồng, H có trả trước cho S 30.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng. Sau khi nhận số tiền 30.000.000 đồng từ H, S và T đã dùng để thanh toán tiền công làm đường cho anh Hoàng Văn M. Đến khoảng tháng 6/2023, H thuê 02 người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ với giá 8.000.000 đồng đi cắt hạ, vận chuyển 4 cây Móc Trai về nhà của H tại bản A, xã P, trong đó có 03 cây thuộc đất rừng phòng hộ có tổng giá trị 27.000.000 đồng và 01 cây khu đất nương có giá trị 8.000.000 đồng. Cơ quan CSĐT Công an huyện đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Hạt kiểm lâm huyện B tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra vụ việc khai thác 03 cây Móc T và nơi tập kết các khúc gỗ cắt ra 03 cây Móc Trai, kết quả khám nghiệm như sau: Vị trí cắt hạ, khai thác 03 cây thuộc tiểu khu C, khoảnh 5 theo tờ bản đồ số 10 - 364518 (căn cứ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho Vi Văn H, Đinh Văn T8 (giao cho con trai ruột là Đinh Văn T5), Vi Văn T4 vào năm 2002) thuộc khu S (theo tiếng địa phương), địa phận bản A, xã P, huyện B; cây số 01 còn 01 gốc cây và các cành cây nằm ngổn ngang, có vị trí, nằm trong lô h10, khoảnh 5, tiểu khu C (vị trí thuộc giấy chứng nhận của Vi Văn T4), dùng máy GPS bấm, xác định tọa độ X = 523876; Y = 235867, gốc cây có kích thước đường kính trung bình là 0,8m, cao từ mặt đất đến vị trí bị cắt là 1,15m, chu vi gốc, tại vị trí cắt là 3,3m, các cành cây đổ rạp theo chiều xuôi, tiến hành đo đếm khối lượng gỗ các cành cây, gồm có 05 cành được tổng khối lượng là 1,097 m³; Cây số 02, nằm trong lô h8, khoảnh 5, tiểu khu C (vị trí thuộc giấy chứng nhận của Đinh Văn T8), dùng máy định vị GPS bấm, tọa độ X = 523842; Y = 2358616, gốc cây có kích thước đường kính trung bình 0,65m, cao từ mặt đất đến vị trí bị cắt hạ là 0,9m, chu vi gốc tại vị trí cắt hạ là 3,3m, cây đổ rạp theo chiều xuôi, phát hiện có 04 cành của cây này tại hiện trường, đo đếm khối lượng các cành được tổng khối lượng là 0,872m³; Cây số 03, nằm trong lô h5, khoảnh 5, tiểu khu C (vị trí thuộc giấy chứng nhận của Vi Văn H1), dùng máy định vị GPS bấm, tọa độ X = 523798; Y = 2358585, gốc cây có kích thước đường kính trung bình 0,65m, cao từ mặt đất đến vị trí bị cắt hạ là 1,2m, chu vi gốc tại vị trí cắt là 3,7m, cây đổ rạp theo chiều xuôi dốc, phát hiện có 03 cành của cây này tại hiện trường, đo đếm khối lượng các cành được tổng khối lượng là 0,357m³. Vị trí 03 cây bị cắt hạ, khai thác nằm trong khu rừng phòng hộ có nguồn gốc là rừng tự nhiên, tổng khối lượng gỗ của các cành còn lại tại hiện trường là 2,326m³. Phát hiện tại ngay cạnh nhà của bị cáo Vi Văn H2, có 06 khúc gỗ nằm dọc bên phải lề đường liên bản A đi bản N, 06 khúc gỗ này là cắt ra từ 03 cây Móc Trai chặt hạ trong rừng phòng hộ, có vị trí là 03 gốc cây đã xác định vị trí ở trên đưa về nhà. Tiến hành

đo đếm khối lượng gỗ đối với 06 khúc gỗ này. Khúc số 01 dài 4,6m, đường kính trung bình là 0,5m có khối lượng 0,903m³; khúc số 02 dài 6,95m, đường kính trung bình 0,8m, có khối lượng 3,492m³; khúc số 03 dài 7,3m, đường kính trung bình 0,7m có khối lượng 2,808m³; khúc số 4 dài 3,3m, đường kính trung bình 0,5m, có khối lượng 0,648m³; khúc số 05 dài 6,2m, đường kính trung bình 0,6m có khối lượng 1,752m³; khúc số 06 dài 2,5m, đường kính trung bình 0,5m có khối lượng là 0,491m³. Tổng khối lượng của 06 khúc gỗ là: 10,093m³. Do khối lượng gỗ lớn, sau khi khám nghiệm hiện trường, đo đếm các khúc gỗ tại cạnh nhà bị cáo **Vì Văn H2**, các cành cây gỗ trong rừng phòng hộ, Cơ quan CSĐT **Công an huyện B** đã làm thủ tục bàn giao lại cho **UBND xã P** và ban quản lý bản **Ang** quản lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ: 12 cành, nhánh cây **M**, khối lượng 2,326m³ đang ở trong rừng phòng hộ thuộc địa phận bản A, **xã P, huyện B** và 06 khúc gỗ Móc Trai khối lượng 10,093m³ đang ở cạnh nhà của bị cáo **Vì Văn H2**, trú tại bản **Ang, xã P, huyện B**.

Ngày 08/10/2023 **Chi cục Kiểm lâm tỉnh S** có bản Kết luận số 04-2023/KL/GĐCN, kết luận:

“- Toàn bộ cành ngọn để lại tại hiện trường quanh khu vực 03 gốc cây và 06 khúc gỗ đã vận chuyển về để tại lề đường gần nhà **Vì Văn H** có tổng khối lượng lâm sản là 12,419 m³ là loại đồng nhất một chủng loại có tên Việt Nam là **M1** trai (tên địa phương là **Móc T6**) tên khoa học là **Mangifera longipes G** (thuộc chi Xoài-**M**) là loài thực vật thông thường.

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp bản đồ thể hiện vị trí của 03 cây bị cắt hạ, khai thác lên nền bản đồ giao đất rừng **xã P** có kết quả:

+ Vị trí của cây số 01: Nằm trong lô h10, **khoảnh E, tiểu khu C**.

+ Vị trí của cây số 02: Nằm trong lô h8, **khoảnh 5, tiểu khu C**.

+ Vị trí của cây số 03: Nằm trong lô h5, **khoảnh 5, tiểu khu C**.

+ Loại rừng: Vị trí của 03 cây bị khai thác nằm trong khu rừng phòng hộ có nguồn gốc là rừng tự nhiên.

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp bản đồ thể hiện vị trí của 03 cây bị khai thác lên nền bản đồ rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng đã được **UBND tỉnh S** phê duyệt tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 có kết quả:

+ Vị trí của cây số 01: Nằm trong lô 175, **khoảnh E, tiểu khu C**.

+ Vị trí của cây số 02: Nằm trong lô 164, **khoảnh E, tiểu khu C**.

+ Vị trí của cây số 03: Nằm trong lô 159, **khoảnh E, tiểu khu C**.

+ Loại rừng: Vị trí của 03 cây bị khai thác nằm trong khu quy hoạch đất rừng sản xuất, giai đoạn 2017- 2025 và định hướng đến năm 2030.”

Ngày 25/12/2023 Hội đồng định giá tài sản **huyện B** có bản Kết luận số 39/KL-HĐĐG, kết luận: Giá trị của 12,419m³ gỗ Móc Trai có giá trị là 19.808.305 đồng, (trong đó: 12 cành, nhánh cây Móc Trai, khối lượng 2,326m³ có giá trị: 3.709.970 đồng; 06 khúc gỗ Móc Trai khối lượng 10,093m³ có giá trị: 16.098.335 đồng).

Ngày 14/3/2024 do có sai sót trong số liệu tính toán, Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B; H huyện B có Biên bản liên ngành xác định lại khối lượng 06 khúc gỗ Móc Trai có khối lượng 10,094m³.

Đối với 02 người đàn ông bị cáo **Vì Văn H2** thuê cắt hạ 03 cây Móc Trai trong rừng phòng hộ vận chuyển về cho bị cáo **H2**, do bị cáo **H2** không biết tên, tuổi, địa chỉ của 02 người này, cơ quan CSĐT Công an huyện B không có căn cứ để xử lý.

Đối với **Vì Văn H1**, **Đình Văn T5**, **Vì Văn T9**, là những người đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giao đất, giao rừng để bảo vệ rừng phòng hộ, quá trình bị cáo **Hà Văn T1**, **Hoàng Hồng S** thực hiện việc bán 03 cây Móc Trai cho bị cáo **Vì Văn H2**, sau đó bị cáo **H2** thuê người đến chặt hạ cây, thì **Vì Văn H1**, **Đình Văn T5**, **Vì Văn T** hoàn toàn không biết, không được hưởng lợi gì, do đó không có căn cứ xử lý. **Vì Văn H1**, **Đình Văn T5**, **Vì V** đề nghị xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đối với 123 hộ gia đình trong cuộc họp dân, họp chi bộ bản A, chỉ được bàn bạc nội dung bán cây sâu bệnh, cây ảnh hưởng đến sản xuất tại nơi thuộc đất nương, đất ruộng, đất vườn, không được bàn bạc bán cây trong rừng phòng hộ, việc bán 03 cây Móc Trai trong rừng phòng hộ là do các bị cáo **Hà Văn T**, **Hoàng Hồng S** tự ý bán, các hộ dân không biết, do đó Cơ quan CSĐT Công an huyện B không có căn cứ xử lý các đảng viên và các hộ dân tham gia họp.

Đối với **Hoàng Văn M** là người đã được nhận số tiền công làm đường từ bị cáo **T** và **S** 30 triệu đồng, trong đó 27 triệu đồng là do các bị cáo phạm tội mà có. Việc nhận số tiền này **Hoàng Văn M** không biết tiền do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xử lý đối với **Hoàng Văn M**.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa công khai, các bị cáo **Hà Văn T**, **Hoàng Hồng S**, **Vì Văn H2** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo **Hà Văn T**, **Hoàng Hồng S**, **Vì Văn H** đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản” theo điểm d khoản 1 Điều 232 của Bộ luật hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 1, Điều 232; điểm b, i, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Hà Văn T** từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng điểm d khoản 1, Điều 232; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Hoàng Hồng S** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Áp dụng điểm d khoản 1, Điều 232; điểm i, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo **Vì Văn H2** từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự. Đề nghị buộc các bị cáo **Hà Văn T** và **Hoàng**

Hồng S phải bồi thường giá trị số lâm sản bị thiệt hại đã được xác định là 19.808.300 đồng cho ngân sách Nhà nước. Đề nghị truy thu số tiền 27.000.000 đồng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Hoàng Văn M** nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 06 khúc gỗ Móc Trai khối lượng 10,094m³.

12 cành, nhánh cây **M**, khối lượng 2,326m³ đang ở trong rừng phòng hộ thuộc địa phận bản A, **xã P, huyện B**, đề nghị để nguyên trong rừng.

Về án phí: Miễn án phí cho các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của các bị cáo **Hà Văn T, Hoàng Hồng S**, **Vì Văn H** tự bào chữa: Các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, cho các bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương.

Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Hoàng Văn M**, đồng ý truy thu số tiền 27 triệu đồng, nhưng hiện nay chưa có ngay, tôi sẽ nộp dần cho Nhà nước.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thức hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an huyện B**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa, ông **Vì Văn H1, Đinh Văn T5, Vì Văn T9** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Phiên tòa xét xử vắng mặt họ đảm bảo theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa các bị cáo **Hà Văn T, Hoàng Hồng S, Vì Văn H2** thừa nhận: Ngày 25/10/2022 bị cáo **Hà Văn T** và bị cáo **Hoàng Hồng S** đã tự ý bán 03 cây Móc Trai có khối lượng 12,419m³ trong rừng phòng hộ thuộc

địa phận bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La với giá 27.000.000đ cho bị cáo **Vì Văn H2** nhằm mục đích lấy tiền trả tiền công cho thợ làm tuyến **đường T - N** của bản A. Bị cáo **Vì Văn H2** mặc dù biết rõ 03 cây Móc Trai này thuộc rừng phòng hộ, và sau khi mua được cây, bị cáo **H2** đã thuê hai người không biết tên tuổi địa chỉ đến cắt hạ 03 **cây Móc T** trong rừng phòng hộ, vận chuyển đưa về nhà bị cáo **Vì Văn H2**.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả điều tra được chứng minh như sau: Biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản, Kết luận giám định tư pháp...

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Các bị cáo **Hà Văn T**, **Hoàng Hồng S**, **Vì Văn H2** đã thực hiện hành vi Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản, tội danh quy định tại điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm d khoản 1 Điều 232 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 243 của Bộ luật này, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)

.....

d) Khai thác trái phép rừng phòng hộ là rừng tự nhiên từ 07 mét khối (m³) đến dưới 15 mét khối (m³) gỗ loài thực vật thông thường hoặc từ 05 mét khối (m³) đến dưới 10 mét khối (m³) gỗ thuộc Danh mục thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm IIA”

2. ”.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội và bản thân các bị cáo. Nhưng vì muốn có tiền để trả tiền công làm đường cho Bản do mình quản lý, nên các bị cáo đã thực hiện tội phạm. Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội của địa phương.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo theo điểm b,i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tích cực bồi thường thiệt hại; các bị cáo thực hiện tội phạm không vì mục đích tư lợi cá nhân. Riêng bị cáo **Hoàng Hồng S** có bố đẻ là ông **Hoàng Văn P1** là liệt sĩ nên bị cáo được hưởng thêm

tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Tòa cần xem xét cân nhắc xử phạt các bị cáo mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm và nhân thân của các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo đều được gia đình và chính quyền địa phương xác nhận bảo lãnh, giáo dục, nên không cần thiết cách ly các bị cáo mà cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của các bị cáo giám sát giáo dục theo quy định tại Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 cũng có thể đảm bảo điều kiện và thời gian để các bị cáo tự cải tạo, giáo dục trở thành người tốt, có ích cho xã hội. Đồng thời nhằm dẫn dắt, phòng ngừa giáo dục chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 232 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét điều kiện, hoàn cảnh của các bị cáo cho thấy các bị cáo không có thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn, các bị cáo không có khả năng thi hành. Vì vậy Tòa cần xem xét chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Hà Văn T; Hoàng Hồng S; Vì Văn H2 đã khai thác trái phép cây rừng (03 cây M) là loại thực vật thông thường, có khối lượng 12,419 m³, giá trị thiệt hại là 19.808.300 đồng. Bị cáo Hà Văn T và Hoàng Hồng S đã tự nguyện nộp tiền bồi thường giá trị thiệt hại mỗi người số tiền 3.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La. Xét việc tự nguyện bồi thường trên phù hợp với pháp luật, nên Tòa cần chấp nhận và trừ vào số tiền các bị cáo phải bồi thường cho Nhà nước. Theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015. Đối với số tiền bán 03 cây 27.000.000 đồng các bị cáo đã đem trả tiền công làm đường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Hoàng Văn M, xét thấy số tiền này do các bị cáo thực hiện tội phạm mà có, do vậy Tòa cần xem xét truy thu số tiền 27.000.000 đồng này đối với Hoàng Văn M để nộp vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về vật chứng vụ án:

Đối với 12 cành, nhánh cây Móc Trai, khối lượng 2,326m³ là vật chứng của vụ án, hiện tại đang để trong rừng phòng hộ thuộc địa phận bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La. Tòa cần xem xét giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Vì Văn T9; Đinh Văn T5; Vì Văn H1 quản lý để nguyên trong rừng.

Đối với 06 khúc gỗ Móc Trai khối lượng 10,094m³ là tài sản của Nhà nước. Tòa cần xem xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí: Theo Quyết định 612/QĐ-UBDT ngày 16/9/2021 của Ủy ban dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, thì các bị cáo Hà Văn T, Hoàng Hồng

S, Vi Văn H2 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do vậy Tòa cần xem xét miễn án phí cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm Tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Xử phạt bị cáo Hà Văn T 12 (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện nhận được quyết định thi hành án.

2. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Hoàng Hồng S phạm Tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Hồng S 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện nhận được quyết định thi hành án.

3. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 232; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố bị cáo Vi Văn H2 phạm Tội: “Vi phạm quy định về khai thác, bảo vệ rừng và lâm sản”.

- Xử phạt bị cáo Vi Văn H2 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ, được khấu trừ 42 ngày quy đổi thời gian đã tạm giam cho bị cáo. Thời hạn tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an huyện nhận được quyết định thi hành án.

4. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Hà Văn T; Hoàng Hồng S; Vi Văn H.

5. Giao các bị cáo Hà Văn T, Hoàng Hồng S, Vi Văn H cho UBND xã P, huyện B, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

6. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

- Buộc bị cáo **Hà Văn T** và **Hoàng Hồng S** bồi thường cho Nhà nước số tiền 19.808.300 đồng, phần bồi thường của từng bị cáo cụ thể như sau:

Bị cáo **Hà Văn T** 9.904.150 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 3.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000507 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La, còn phải bồi thường tiếp là 6.904.150 đồng (sáu triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm năm mươi đồng).

Bị cáo **Hoàng Hồng S** 9.904.150 đồng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước số tiền 3.000.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0000508 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Sơn La, còn phải bồi thường tiếp là 6.904.150 đồng (sáu triệu chín trăm linh bốn nghìn một trăm năm mươi đồng).

- Truy thu số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Hoàng Văn M** để sung nộp vào ngân sách Nhà nước.

7. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 06 khúc gỗ Móc Trai khối lượng 10,094m³.

- Đối với 12 cành, nhánh cây Móc Trai, khối lượng 2,326m³, xử lý như sau:

Giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Vì Văn T9** 05 cành, khối lượng 1,097 m³, quản lý, để nguyên trong rừng tại lô h10, khoảnh 5, **tiểu khu C** rừng phòng hộ khu vực **bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**.

Giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Đình Văn T5** 04 cành, khối lượng 0,872 m³, quản lý, để nguyên trong rừng tại lô h8, khoảnh 5, **tiểu khu C** rừng phòng hộ khu vực **bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**.

Giao cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án **Vì Văn H1** 03 cành, khối lượng 0,357 m³, quản lý, để nguyên trong rừng tại lô h5, khoảnh 5, **tiểu khu C** rừng phòng hộ khu vực **bản A, xã P, huyện B, tỉnh Sơn La**.

*(Chi tiết theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản của vụ án ngày 04/3/2024, giữa **Công an huyện B** và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).*

8. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Miễn án phí hình sự, dân sự sơ thẩm cho các bị cáo **Hà Văn T, Hoàng Hồng S, Vì Văn Hiệp**.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền

kháng cáo phần bản án liên quan đến mình trong thời hạn 15 ngày theo quy định chung của pháp luật.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND-B;
- Công an-B;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- UBND xã P;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS-B;
- THA.Hình sự;
- Lưu hồ sơ - Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Quàng Văn Thủy